

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/DS-ST

Ngày: 18 – 5 – 2022

V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Xuân Nữ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh;
2. Ông Ngô Văn Khon.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Quốc Thông - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09/5/2022 và ngày 18/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Huỳnh Đức T, sinh năm 1956 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 282, ấp N, xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

*2. Bị đơn:* Nguyễn Thanh N, sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 278B, khóm T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

*3.1) Dương Thị Kim H, sinh năm 1984 (Có mặt).*

Địa chỉ: Số 278B, khóm T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

*3.2) Huỳnh Thị Thu C, sinh năm 1956 (Vắng mặt).*

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

*3.3) Nguyễn Thị P, sinh năm 1957 (Có mặt).*

Địa chỉ: Số 282, ấp N, xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Huỳnh Đức T trình bày:*

Vào ngày 07/02/2019, anh Nguyễn Thanh N có nhờ ông Huỳnh Đức T vay giùm số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), tiếp theo vào ngày 08/02/2019, anh N tiếp tục nhờ ông T vay giùm thêm số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), tổng cộng là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), mục đích để gia đình anh N có vốn làm ăn, giữa hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất vay là 3%/tháng (36%/năm) và thời hạn trả nợ là 01 tháng. Theo đó, ông T đã vay của bà Huỳnh Thị Thu C số tiền là 50.000.000 đồng để cho anh N vay lại.

Từ ngày 07/02/2019 đến tháng 9/2019, anh N đã trả cho ông T được số tiền vốn là 6.000.000 đồng, trong đó 5.000.000 đồng trả vào ngày 20/8/2019 và 1.000.000 đồng trả vào tháng 9/2019; và tiền lãi là 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/tháng) của tháng 3 và tháng 4/2019. Từ tháng 9/2019 đến nay, ông T nhiều lần yêu cầu anh N trả tiền nợ vốn và lãi còn lại nhưng anh N vẫn không thực hiện.

Từ khi anh N xác lập hợp đồng vay tiền với ông T đến nay, anh N và chị Dương Thị Kim H là vợ chồng hợp pháp, anh N vay tiền nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu để có vốn làm ăn trong gia đình của anh N và chị H.

Theo nội dung đơn khởi kiện, ông T yêu cầu anh N có trách nhiệm trả số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất theo quy định pháp luật tính từ ngày 08/02/2019 đến ngày xét xử.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 12/5/2022, ông T yêu cầu anh N và chị H trả cho ông T số tiền vay gốc còn lại là 44.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 1.66%/tháng tính từ ngày 01/10/2019 đến ngày xét xử với số tiền là 21.000.000 đồng, tổng cộng là 65.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông T yêu cầu anh N là chị H có trách nhiệm liên đới trả cho ông T số tiền vay vốn còn nợ là 44.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 1.66%/tháng tính từ ngày 01/10/2019 đến ngày 18/5/2022 với số tiền là 22.642.000 đồng, tổng cộng là 66.642.000 đồng.

*- Bị đơn ông Nguyễn Thanh N trình bày:*

Anh Nguyễn Thanh N thống nhất vào ngày 07/02/2019, anh có nhờ ông Huỳnh Đức T vay giùm số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Tiếp theo vào ngày 08/02/2019, anh N tiếp tục nhờ ông T vay giùm số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Tổng cộng số tiền vay là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Khi thỏa thuận vay tiền thì hai bên không thỏa thuận về thời hạn thanh toán nhưng có thỏa thuận về lãi suất là 6%/tháng, 3.000.000 đồng/tháng. Từ khi nhận được tiền vay cho đến nay, anh N có trả cho ông T được tiền vốn là 6.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 3 đến tháng 7/2019 là 15.000.000 đồng.

Từ khi anh N xác lập hợp đồng vay tiền với ông T đến nay, anh N và chị Dương Thị Kim H là vợ chồng hợp pháp, anh N vay tiền của ông T nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu để có vốn làm ăn trong gia đình của anh N và chị H.

Nay với yêu cầu khởi kiện của ông T thì anh N đồng ý cùng chị H có trách nhiệm liên đới trả cho ông T số tiền vay còn nợ là 44.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị Kim H trình bày:*

Chị Dương Thị Kim H và anh Nguyễn Thanh N là vợ chồng hợp pháp. Việc anh N vay của ông T số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) thì chị không biết vì anh N không nói cho chị biết, ông T có đến nhà nhiều lần để tìm anh N, nhưng khi chị H hỏi thì ông T đòi gặp riêng anh N nói chuyện, và ông T cũng không nói cho chị biết về số tiền vay này. Giữa chị và anh N có nợ tiền vay của N hàng và gia đình có chăn nuôi heo.

Nay với yêu cầu khởi kiện của ông T thì chị H đồng ý cùng anh N có trách nhiệm liên đới trả cho ông T số tiền vay còn nợ là 44.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Thu C trình bày:*

Bà Huỳnh Thị Thu C có cho ông Huỳnh Đức T vay số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Nay ông T đã trả nợ vốn và lãi xong cho bà C, nên bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P trình bày:*

Bà Nguyễn Thị P và ông Huỳnh Đức T là vợ chồng. Việc ông T cho anh N vay số tiền 50.000.000 đồng thì bà có biết, đồng thời số tiền này là ông T vay lại từ chị ruột của ông T là bà Huỳnh Thị Thu C. Từ khi vay tiền đến nay, anh N không có trả cho bà nhận khoản tiền vốn hay tiền lãi nào. Nay bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Đức T.

**\* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

*Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:* Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn:* Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

*Việc giải quyết vụ án:* Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Nguyễn Thanh N và chị Dương Thị Kim H có trách nhiệm liên đới trả cho ông Huỳnh Đức T số tiền vay gốc là 42.660.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 01/10/2019 đến ngày 18/5/2022 trên số tiền nợ gốc là 42.660.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

### [1] Về tố tụng:

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh N cư trú tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà C được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt tại phiên tòa có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà C theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của ông Huỳnh Đức T về việc yêu cầu anh Nguyễn Thanh N và chị Dương Thị Kim H có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay còn nợ là 44.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 1.66%/tháng tính từ ngày 01/10/2019 đến ngày 18/5/2022 với số tiền là 22.642.000 đồng, tổng cộng là 66.642.000 đồng.

Xét thấy, việc thỏa thuận giữa ông T và anh N là hoàn toàn tự nguyện. Ông T trình bày, vào ngày 07/02/2019, ông T có cho anh N vay số tiền là 20.000.000 đồng, tiếp theo vào ngày 08/02/2019, ông T có cho anh N vay số tiền là 30.000.000 đồng, tổng cộng là 50.000.000 đồng để làm ăn, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, xác định thời hạn trả là 01 tháng, có lập biên nhận nhận tiền do anh N ký tên. Từ khi nhận được tiền vay cho đến nay, anh N đã trả được cho ông T số tiền vốn là 6.000.000 đồng và tiền lãi của tháng 3 và tháng 4/2019 là 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/tháng) nên còn nợ tiền vốn là 44.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 5/2019 đến nay.

Tất cả tình tiết nội dung trên anh N đều xác nhận là đúng và thừa nhận có trách nhiệm trả nợ vay, riêng về lãi suất thỏa thuận là 6%/tháng với số tiền lãi là 3.000.000 đồng/tháng, anh N đã trả được 5 tháng tiền lãi từ tháng 3 đến tháng 7/2019, tổng cộng tiền lãi đã trả là 15.000.000 đồng, trong đó anh N giao cho bà Nguyễn Thị P nhận số tiền lãi là 9.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, tuy ông T xác định anh N chỉ trả được tiền lãi là 3.000.000 đồng của tháng 3 và tháng 4/2019 nhưng bà P không thừa nhận đã nhận của anh N trả số tiền lãi 9.000.000 đồng, ngoài ra anh N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ khác chứng minh anh N đã trả được cho ông T tiền lãi 15.000.000 đồng từ tháng 3 đến tháng 7 năm 2019. Do đó, trình bày của anh N về việc trả lãi là chưa có cơ sở chấp nhận. Đồng thời việc tính lãi được điều chỉnh theo mức lãi suất 1,66%/tháng (20%/năm), cụ thể:

Tính lãi số tiền 20.000.000.00 đồng từ ngày 07/02/2019 đến ngày 08/4/2019:  
 $20.000.000đ \times 1,66\% \times 02 \text{ tháng } 01 \text{ ngày} = 675.066đ$ .

Tính lãi số tiền 30.000.000.00 đồng từ ngày 08/02/2019 đến ngày 08/4/2019:  
 $30.000.000đ \times 1,66\% \times 02 \text{ tháng} = 996.000đ$

Khấu trừ tiền lãi vào tiền đã trả:  $3.000.000đ - (675.066đ + 996.000đ) = 1.328.934đ$

Khấu trừ tiền trả thừa vào vốn:  $50.000.000đ - 1.328.934đ = 48.671.066đ$

Khấu trừ tiền vốn đã trả vào vốn:  $48.671.066đ - 6.000.000đ = 42.671.066đ$

Tính lãi tiếp từ ngày 01/10/2019 đến ngày 18/5/2022:  $42.671.066đ \times 1,66\% \times 31 \text{ tháng } 17 \text{ ngày} = 22.359.922đ$ .

Tổng cộng vốn lãi còn phải trả tiếp là 65.031.000 đồng (lấy số tròn).

Do đó, ông T yêu cầu anh N, chị Hưng có trách nhiệm trả cho ông T số tiền vốn vay là 44.000.000 đồng, tính lãi số tiền 44.000.000 đồng với lãi suất là 1.66 %/tháng tính từ ngày 01/10/2019 đến ngày 18/5/2022, thành tiền là 22.642.000 đồng, tổng cộng vốn lãi là 66.642.000 đồng, là có căn cứ chấp nhận một phần.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận một phần.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T nên anh N, chị H phải liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015.

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Đức T.

Buộc anh Nguyễn Thanh N và chị Dương Thị Kim H liên đới trách nhiệm trả cho ông T số tiền 65.031.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí:

Buộc anh Nguyễn Thanh N và chị Dương Thị Kim H liên đới chịu tiền án

phí dân sự sơ thẩm là 3.251.500 đồng.

Trả cho ông Huỳnh Đức T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 1.250.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001319 ngày 20/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

Nguyên đơn, bị đơn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Thị Kim H, Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Thu C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CCTHADS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trần Xuân Nữ**